TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà*:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 447/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Xuân D, sinh năm 1981;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Chị D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2023, bản trình bày ý kiến ngày 22/01/2024 nguyên đơn chị Phan Thị Xuân D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng N yêu thương, tự nguyện đến với nhau và đăng kết hôn vào ngày 21/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày anh N thường hay say xỉn về đánh đuổi chị và các con, đập phá tài sản trong nhà, chị đã nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng anh N vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 03/10/2009 và cháu Nguyễn Nhựt M, sinh ngày 08/3/2014. Khi ly hôn chị D yêu cầu Tòa án giao cháu N1 và cháu M cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

2. Bị đơn anh Nguyễn Trọng N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Về hôn nhân chị Phan Thị Xuân D được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 cháu Nguyễn Diệu N1 và Nguyễn Nhựt M cho chị Phan Thị Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh Nguyễn Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con; anh N được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Chị Phan Thị Xuân D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phan Thị Xuân D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Xuân D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Trọng N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng

vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh N.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Xuân D và anh Nguyễn Trọng N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/11/2008; trước khi kết hôn có tìm hiểu, yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nên hôn nhân giữa chị D và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng anh N không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các tình tiết, sự kiện mà chị D đưa ra, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào Đơn khởi kiện và trình bày của chị D thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do trong cuộc sống hàng ngày là do anh N thường hay say xỉn về đánh đuổi chị và các con, đập phá tài sản trong nhà, chị đã nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng anh N vẫn không thay đổi. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ lời trình bày, chứng cứ của chị D về tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 03/10/2009 và cháu Nguyễn Nhựt M, sinh ngày 08/3/2014; cháu N1 và cháu M có nguyện vọng được sống với mẹ, bản thân chị D có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 69, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N1 và cháu M cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Chị D không yêu cầu giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000838 ngày 17/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 69, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Xuân D.

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Xuân D được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 03/10/2009 và cháu Nguyễn Nhựt M, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Phan Thị Xuân D trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Trọng N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, về nợ chung không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Xuân D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000838 ngày 17/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Quyên